

Số: 01/NQ-HĐND

Bà Rịa, ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông nhất quy mô, chủ trương đầu tư xây dựng
dự án Trường Trung học cơ sở Lai Uyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
KHÓA II - KỶ HỌP THỨ 11 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc thỏa thuận quy mô, chủ trương đầu tư xây dựng dự án Trường Trung học cơ sở Lai Uyên; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất quy mô, chủ trương đầu tư xây dựng dự án Trường Trung học cơ sở Lai Uyên, cụ thể như sau:

1. Quy mô đầu tư xây dựng

- Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình dân dụng (Công trình giáo dục).

- Cấp công trình: Cấp II.



a) Về xây lắp (Khối phòng học lý thuyết, phục vụ học tập, khu phòng học bộ môn, hành chính quản trị)

- Khu phòng học: 33 phòng;

(Số phòng học = Số lớp học (32 lớp)+1 (Phòng học hỗ trợ học sinh khuyết tật về vận động (nếu có) học hòa nhập, bồi dưỡng học sinh giỏi và Phụ đạo học sinh yếu kém - Theo mục 5.3.8, TCVN 8794:2011: Trường trung học cơ sở - Tiêu chuẩn thiết kế).

- Khu phòng học bộ môn : 12 phòng.

+ Phòng học Vật lý + chuẩn bị : 02 phòng.

+ Phòng học Hóa học + chuẩn bị : 01 phòng.

+ Phòng học Sinh học + chuẩn bị : 02 phòng.

+ Phòng học Công nghệ + chuẩn bị : 01 phòng.

+ Phòng học Tin học : 02 phòng.

+ Phòng học Ngoại ngữ : 02 phòng.

+ Phòng học Âm nhạc : 01 phòng.

+ Phòng học Mỹ Thuật : 01 phòng.

- Khu phục vụ học tập: Thư viện: 01 phòng (kho chứa sách, phòng đọc dùng cho học sinh, phòng đọc dùng cho giáo viên); phòng hoạt động Đoàn - đội: 01 phòng; phòng Giáo dục truyền thống: 01 phòng; phòng thiết bị Giáo dục: 01 phòng.

- Khu hành chính quản trị

+ Phòng Hiệu trưởng : 01 phòng.

+ Phó Hiệu trưởng : 02 phòng (01 phòng phó hiệu trưởng bố trí ở khối nhà ăn, nhà bếp)

+ Văn phòng : 01 phòng.

+ Phòng họp toàn thể CB-GV-NV trường : 01 phòng.

+ Phòng hoạt động Giám thị : 01 phòng.

+ Phòng nghỉ giáo viên (mỗi tầng ít nhất 01 phòng): 04 phòng.

+ Kho lưu trữ : 01 phòng.

+ Phòng hoạt động Công đoàn : 01 phòng.

+ Phòng y tế học đường : 01 phòng

- Khối Nhà ăn, nhà bếp + Nhà đa năng

+ Tầng 1: Khu nhà ăn, nhà bếp (Nhà ăn: 01 phòng (phòng ăn: 01 phòng, sân khấu: 01 sân khấu, phòng phó hiệu trưởng: 01 phòng, kho: 01 kho, Khu vệ sinh: 01 khu); Nhà bếp: 01 phòng (Bếp, kho lương thực thực phẩm, kho đồ dùng dụng cụ, sàn nước - mương thu nước, kho ga, sảnh nhập hàng, sân phơi); Khu giặt (phòng giặt, sân phơi).

- Tầng 2: Khu nhà tập đa năng (Phòng học thể dục thể thao. 01 phòng, phòng chuẩn bị - kho chứa dụng cụ: 01 phòng, phòng thay quần áo nam 01 phòng, Phòng thay quần áo nữ : 01 phòng).

- Hành lang nổi khối

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà thường trực, hàng rào xung quanh; nhà xe giáo viên; nhà xe học sinh; sân chào cờ; nhà che máy bơm; nhà để máy phát điện dự phòng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật: san nền công trình; cấp điện; cấp thoát nước; chống sét, an toàn PCCC, ...

b) Thiết bị theo công trình: Đầu tư đồng bộ theo xây và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương.

2. Tổng mức đầu tư

a) Tổng mức đầu tư xây dựng	: 159.959.030.294 đồng.
- Chi phí Xây dựng	: 100.653.266.120 đồng.
- Chi phí Thiết bị	: 18.639.348.789 đồng.
- Chi phí Quản lý dự án	: 2.074.503.289 đồng.
- Chi phí Tư vấn đầu tư	: 6.431.694.133 đồng.
- Chi phí Khác	: 5.500.379.581 đồng.
- Dự phòng phí	: 26.659.838.382 đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn Xổ số kiến thiết.

c) Thời gian thực hiện:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: Năm 2018 - 2020.

- Khởi công: Năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.


Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bầu Bàng khóa II, kỳ họp thứ 11 (bất thường) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./. *ly*

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. HU; TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *ly*

CHỦ TỊCH



ly

Trần Thanh Liêm